

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014 TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		132.513.934.486	147.791.262.206
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	71.538.546.625	16.878.405.960
Tiền	111		11.538.546.625	16.878.405.960
Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.641.709.611	130.651.657.263
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.727.542.578	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.490.807.062	23.890.917.076
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.423.359.971	106.760.740.187
Hàng tồn kho	140	8	9.713.934.067	-
Hàng tồn kho	141		9.713.934.067	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		619.744.183	261.198.983
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		574.264.161	229.460.925
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	45.480.022	31.738.058
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.923.840.981.417	1.886.657.675.925
Tài sản cố định	220		1.912.588.214.027	8.651.325.048
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.904.296.908.896	360.019.917
Nguyên giá	222		1.974.089.893.197	1.740.315.924
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.792.984.301)	(1.380.296.007)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.291.305.131	8.291.305.131
Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.681.315.849	1.867.447.381.354
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	10.681.315.849	1.867.447.381.354
Tài sản dài hạn khác	260		571.451.541	10.558.969.523
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	571.451.541	10.558.969.523
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.056.354.915.903	2.034.448.938.131

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.560.888.311.785	1.598.142.634.338
Nợ ngắn hạn	310		159.376.699.203	308.393.077.387
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	66.987.475.179	122.729.726.738
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	5.015.305.141	5.462.248.239
Phải trả người lao động	314		7.695.446.046	4.266.308.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	27.481.142.375	26.152.042.285
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	11.343.330.462	28.377.284.454
Vay ngắn hạn	320	17(a)	40.854.000.000	121.405.467.106
Nợ dài hạn	330		1.401.511.612.582	1.289.749.556.951
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	203.000.000	210.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.401.308.612.582	1.289.539.556.951
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		495.466.604.118	436.306.303.793
Vốn chủ sở hữu	410	18	495.466.604.118	436.306.303.793
Vốn cổ phần	411	19	415.296.507.633	415.296.507.633
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	8.628.956.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	69.527.646.485	1.738.390.092
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.738.390.092	1.589.839.269
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		67.789.256.393	148.550.823
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.056.354.915.903	2.034.448.938.131

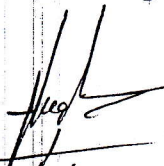
29 -02- 2016

Người lập:



Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

✓

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	01		374.485.952.024	-
Giá vốn hàng bán	11		116.647.759.738	-
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		257.838.192.286	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	11.035.998.663	172.587.387
Chi phí tài chính	22	22	162.381.604.250	11.419.217
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		143.603.067.699	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	39.497.680.865	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		66.994.905.834	161.168.170
Thu nhập khác	31		826.673.260	73.337.083
Chi phí khác	32		32.322.701	44.055.481
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		794.350.559	29.281.602
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.789.256.393	190.449.772
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	41.898.949
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		67.789.256.393	148.550.823
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.632	2

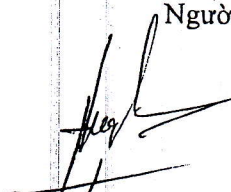
29 -02- 2016

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		67.789.256.393	190.449.772
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		68.412.688.294	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.842.349.448	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(870.063.951)	(238.587.387)
Chi phí lãi vay	06		143.603.067.699	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		281.777.297.883	(48.137.615)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		79.651.402.452	(3.310.291.433)
Biến động hàng tồn kho	10		(9.713.934.067)	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(16.991.047.239)	12.751.792.277
Biến động chi phí trả trước	12		2.391.222.917	225.184.026
			337.114.941.946	9.618.547.255
Tiền lãi vay đã trả	14		(156.794.011.753)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.562.869)	(116.029.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		180.300.367.324	9.502.517.549
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(157.727.879.135)	(494.602.213.511)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	66.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		870.063.951	172.587.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(156.857.815.184)	(494.363.626.124)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	62.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		167.897.332.295	490.047.305.055
Tiền trả nợ gốc vay	34		(136.679.743.770)	(87.831.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.217.588.525	464.216.305.055
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		54.660.140.665	(20.644.803.520)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	16.878.405.960	37.523.209.480
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	71.538.546.625	16.878.405.960

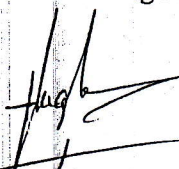
29 -02- 2016

Người lập:



Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này